

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày 08-09-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Loan Em.

Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng và tại điểm cầu Thành phần trụ sở Công an huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai và trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 08 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 08 năm 2022 đối với bị cáo:

Đoàn Thị C, sinh năm 1983 tại huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Ngọc N và bà Huỳnh Thị L; có chồng tên Lê Quốc V và con 03 người, lớn nhất 18 tuổi và nhỏ nhất 03 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2022 “bị cáo có mặt”.

- Bị hại: Ông Thái Văn C1, sinh năm 1987 “có mặt”.

Nơi cư trú ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quốc V, sinh năm 1978 “vắng mặt”.

Nơi cư trú ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị X, sinh năm 1977 “có mặt”.

Nơi cư trú ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 2000 “vắng mặt”.

Nơi cư trú ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1974 “có mặt”.

Nơi cư trú ấp An H, xã Gia H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4 năm 2021, bị cáo Đoàn Thị C, làm thuê tại quán cơm Kim C, địa chỉ ấp Y, thị trấn Phú L do bà Lê Thị X làm chủ; bị cáo có nghe bà X nói ông Thái Văn C1 là em chồng của bà X là người siêng năng, có thu nhập cao nên có nhiều tiền, bị cáo C để ý ông C1 thường về nhà ăn cơm trưa và để cặp đựng tiền trong phòng ngủ, không có khóa cửa nên bị cáo đã nhiều lần lén vào phòng của ông C1 để trộm tiền; Cùng khoảng thời gian này ông C1 thường xuyên bị mất tiền nhưng không rõ nguyên nhân.

Khoảng 09 giờ ngày 19/02/2022, ông Thái Văn C1 vào phòng riêng lấy tiền đựng trong túi sơ mi màu trắng để trong chiếc cặp màu đen thì phát hiện mất số tiền 7.000.000 đồng, nên ông C1 cho người nhà hay và hỏi những người làm thuê tại quán cơm thì được bà Dương Thị Đ cho biết, trước đó ít ngày bà Đ thấy bà C đi vào phòng của ông C1, bà Đ có hỏi bị cáo C vào phòng của ông C1 làm gì thì bị cáo C trả lời vào phòng ông C1 để mượn cục sạc điện thoại. Từ thông tin này, ông C1 đã hỏi bà C và bà C đã thừa nhận có lấy tiền của ông C1 nhiều lần, nên ông C1 đã trình báo sự việc với cơ quan chức năng.

Quá trình điều tra bị cáo C thừa nhận vào phòng ngủ của ông C1 lấy trộm tiền tổng cộng 06 lần, số tiền 100.200.000 đồng; Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 05/2021, lợi dụng lúc ăn trưa ông C1 đi làm về thường để cặp màu đen bên trong có để tiền trên giường ở phòng ngủ và ra trước quán ăn cơm, bị cáo C lén vào phòng ngủ mở cặp lấy tiền bên trong túi đựng tài liệu của ông C1; Ông C1 để nhiều tiền trong cặp do ông nhận làm biển số xe cho khách hàng và tiền lương ông làm bảo vệ. Khi bị cáo C thực hiện hành vi trộm cắp vì sợ phát hiện nên chỉ lấy một sấp tiền và để vào túi quần đang mặc sau đó đi ra ngoài, khi hết giờ làm ở quán cơm bị cáo về nhà và kiểm tra số tiền lấy trộm được của ông C1 là 7.000.000 đồng;

Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 06 năm 2021, cũng cùng thời gian ông C1 ăn trưa thì bị cáo dùng thủ đoạn tương tự lần thứ nhất lấy một sấp tiền của ông C1 là 15.000.000 đồng;

Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 8 năm 2021, bị cáo thực hiện tương tự các lần trước, số tiền lần này bị cáo trộm là 10.000.000 đồng;

Lần thứ tư: Khoảng giữa tháng 09 năm 2021, bị cáo thực hiện tương tự lần trước, số tiền lần này là 5.000.000 đồng;

Lần thứ năm: Khoảng tháng 12 năm 2021, bị cáo thực hiện hành vi trộm giống các lần trước, lần này do thời điểm cận Tết Nguyên đán nên ông C1 để nhiều tiền trong cặp, bị cáo lấy trộm số tiền 50.000.000 đồng;

Lần thứ sáu: Vào ngày 31/01/2022 (29 Tết Nguyên đán), bị cáo thực hiện hành vi trộm của ông C1 số tiền 13.200.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Đoàn Thị C đã thừa nhận lấy trộm của ông Thái Văn C1 số tiền 100.200.000 đồng đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, và mua vàng gồm một đôi bông tai vàng 18K, trị giá 1.600.000 đồng, 01 nhẫn vàng 18K giá 1.150.000 đồng, 01 nhẫn vàng 24K, 01 chỉ giá 5.100.000 đồng, vòng đeo tay vàng 18K giá 8.500.000 đồng. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã giao nộp toàn bộ số vàng trên cho cơ quan điều tra và số tiền mặt còn lại là 8.800.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Thị C thừa nhận: Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022 bị cáo 06 lần vào phòng ngủ của ông C1 trộm tổng số tiền 100.200.000 đồng, lần ít nhất 5.000.000 đồng và lần nhiều nhất 50.000.000 đồng. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Thái Văn C1 trình bày: Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022 ông bị mất tiền nhiều lần với tổng số 100.200.000 đồng. Ông yêu cầu bị cáo C bồi thường cho ông 100.200.000 đồng và xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bản Cáo trạng số 08/CT-VKSTT ngày 08/08/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Đoàn Thị C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Đoàn Thị C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 91.400.000 đồng. Vật chứng đề nghị căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả cho ông C1 số tiền 8.800.000 đồng; đối với số vàng bị cáo đã dùng tiền trộm được để mua mà có tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án. Đối với án phí hình sự và dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với người liên quan Lê Quốc V, người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim X vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt không cản trở xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo đã có hành vi lấy tài sản của ông C1 gồm 06 lần với tổng số tiền 100.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo C có hành vi lén lút lấy tiền của ông C1, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở xác định khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, tại nhà của bà Lê Thị X, ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Đoàn Thị C đã 06 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại ông C1 với tổng số tiền 100.200.000 đồng (một trăm triệu, hai trăm nghìn đồng). Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng bị cáo có một tình tiết tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; về tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã thành khẩn khai báo; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đầu thú, bản thân không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông C1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.200.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, bị cáo C có nộp lại số tiền đã trộm của bị hại còn lại 8.800.000 đồng, số tiền trên được trả lại cho bị hại, nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông C1 số tiền 91.400.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu, tám trăm nghìn đồng) gồm 18 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng và 14 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng là tiền mà bị cáo trộm của ông C1, đây là tài sản của ông C1 nên được trả cho ông C1 theo quy định điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Còn một số tài sản do bị cáo trộm tiền của bị hại để mua có được tài sản, tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án gồm các loại tài sản: Một đôi bông tai bằng kim loại màu vàng; Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, trên có khắc hoa văn không rõ hình, bên trong có khắc chữ “KINKT 17K”; Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, bên trong có khắc chữ “số 10,24k”; Một vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, trên có hoa văn không rõ hình; Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt hình ngôi sao đính hột màu trắng.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự 4.570.000 đồng (bốn triệu, năm trăm, bảy mươi nghìn đồng), theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, áp dụng pháp luật, mức hình phạt, bồi thường thiệt hại, cũng như xử lý vật chứng và án phí đều phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị C 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Thị C có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Thái Văn C1 số tiền 91.400.000 đồng (chín mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên bố trả cho bị hại ông Thái Văn C1 số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu, tám trăm nghìn đồng) gồm 18 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng và 14 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng.

Tiếp tục giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T quản lý các loại tài sản để bảo đảm thi hành án gồm:

- Một đôi bông tai bằng kim loại màu vàng;
- Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, trên có khắc hoa văn không rõ hình, bên trong có khắc chữ “KINKT 17K”;
- Một nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, bên trong có khắc chữ “số 10,24k”;
- Một vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, trên có hoa văn không rõ hình;
- Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt hình ngôi sao đính hạt màu trắng.

Nếu sau khi án có hiệu lực pháp luật bị cáo C đã tự nguyện thi hành trả đủ số tiền 91.400.000 đồng cho bị hại thì các loại tài sản trên được trả lại cho bị cáo Đoàn Thị C.

Hiện tiền và các tài sản trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng).

4. Về án phí: Bị cáo Đoàn Thị C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 4.570.000 đồng (bốn triệu, năm trăm, bảy mươi nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt kể ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND huyện Thạnh T (1);
- Công an huyện Thạnh T (Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, Cơ quan THAHS) (3);
- Chi cục THADS huyện Thạnh T (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nam

